

Bản án số: 65/2019/HS-PT
Ngày 07-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Cảnh và bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2019 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông do có kháng cáo của các bị cáo.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mùa A Ch, sinh năm 1974 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Bản P, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A V (*đã chết*) và bà Thào Thị V; có vợ là Hờ Thị P và có 04 con; bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2015 đến ngày 31/01/2016 được tại ngoại – Có mặt.

2. Mùa A S1 (tên gọi khác: Mùa A S2), sinh năm 1975 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A Th (*đã chết*) và bà Sòng Thị D; có vợ là Sòng Thị S và có 06 con; bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2015 đến ngày 31/01/2016 – Có mặt.

3. Mùa A Gh (tên gọi khác: Mùa Sòng Ch), sinh năm 1974 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa Chồng T (*đã chết*) và bà Hờ Thị Kh; có vợ là Hờ Thị D và có 04 con; nhân thân: Ngày 05/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên,

tỉnh Sơn La xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo Bản án số: 17/2012/HSST, đã chấp hành xong và được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2015 đến ngày 31/01/2016 được tại ngoại – Có mặt.

4. Tráng A Ch, sinh năm 1964 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Bản P, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng A Ph và bà Mùa Thị D (*đều đã chết*); có vợ là Mùa Thị S và có 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2015 đến ngày 31/01/2016 được tại ngoại – Có mặt.

5. Hồ A Ch, sinh năm 1990 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Bản P, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ A L và bà Vừ Thị L; có vợ là Mùa Thị G và có 03 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

6. Hạng A V, sinh năm 1984 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Bản S, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hạng A D và bà Thào Thị P; có vợ là Mùa Thị D và có 02 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

7. Lầu A Ch, sinh năm 1986 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A L và bà Sông Thị D; có vợ là Mùa Thị D và có 05 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

8. Lầu A D, sinh năm 1989 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A L và bà Sông Thị D; có vợ là Mùa Thị M và có 02 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

9. Mùa A G, sinh năm 1983 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A N và bà Phàng Thị L; có vợ là Thào Thị S và có 02 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

10. Tráng A Ph1, sinh năm 1981 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Bản P, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng Páo C và bà Vàng Thị X; có vợ là Mùa Thị S và có 04 con; bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2016 đến ngày 09/3/2016 được tại ngoại – Có mặt.

11. Tráng A Ph2, sinh năm 1977 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKT: Bản P, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk

Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng Páo C và bà Vàng Thị X; có vợ là Mùa Thị T và có 03 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

12. Tráng A D, sinh năm 1975 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Bản P, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng Páo C và bà Vàng Thị X; có vợ là Mùa Thị M và có 05 con; bị cáo được tại ngoại – Có mặt.

13. Sòng A V, sinh năm 1986 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sòng A D và bà Phàng Thị Th; có vợ là Hạng Thị S và có 04 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2016 đến ngày 20/01/2017 được tại ngoại – Có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Mùa A N, sinh năm 1988 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Bản P, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A T và bà Giàng Thị M; có vợ là Hờ Thị S và có 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2016 đến ngày 09/3/2016 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, sau đó bỏ trốn, ngày 25/4/2018 bị bắt tạm giam theo lệnh truy nã, hiện đang bị tạm giam – Vắng mặt.

2. Lầu A P, sinh năm 1994 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: Xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu A C và bà Mùa Thị D; có vợ là Mùa Thị Đ và có 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2018 theo lệnh truy nã, hiện đang bị tạm giam – Vắng mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Mùa A Ch, Mùa A S1, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Tráng A D: Ông Phạm Quang L và bà Cao Thị Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông – Ông L có mặt, bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Sòng A V: Ông Phạm Quang L và ông Hoàng Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Mùa A Ch, Mùa A S1, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D:

Ông Trần Trọng H - Luật sư của Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Ông Phạm Hàn L - Luật sư của Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Sùng A Tr; Đơn vị công tác: Báo Đắk Nông – Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Võ Kim H – Vắng mặt.

Anh Phạm Đại L – Vắng mặt.

Anh Lầu A V – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03/2014, Sòng A V, Mùa A Ch, Mùa A N, Mùa A S1 nói với nhau tại khu vực suối Đ thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên N (*viết tắt là KBTTN N*) có đất thuận lợi cho việc trồng trọt. Sòng A V, Mùa A Ch, Mùa A N, Mùa A S1 bàn bạc viết đơn gửi lên chính quyền huyện K để xin cấp đất sản xuất cho các hộ dân tộc Mông tại khu vực thác 4. Sau khi thống nhất, Mùa A N là người đại diện viết đơn và gửi đến UBND huyện K. Do đợi kết quả giải quyết đơn quá lâu nên Sòng A V, Mùa A Ch, Mùa A N, Mùa A S1 lại bàn bạc và viết thêm một lá đơn gửi lên UBND tỉnh Đắk Nông. Sau đó Sòng A V và các hộ dân khác thay nhau lên UBND tỉnh Đắk Nông và UBND huyện K hỏi kết quả giải quyết. Mỗi lần đi hỏi về thì tập trung tại nhà Sòng A V để thông báo cho bà con biết và mọi người tham gia họp ý kiến.

Vào buổi tối khoảng tháng 12/2014 (*không xác định được ngày cụ thể*), Sòng A V, Mùa A Ch thông báo cho một số hộ dân là người dân tộc Mông tập trung tại nhà Sòng A V để họp bàn việc đi chặt phá rừng tại KBTTN N, Sòng A V là người đứng ra tổ chức và chủ trì cuộc họp. Nội dung cuộc họp thể hiện: Ai đi phá rừng thì đi không bắt buộc, sau này nhà nước cho ở thì sẽ chia đều cho từng hộ dân tham gia chặt phá, ai tham gia thì sáng hôm sau sẽ đi.

Sáng ngày hôm sau, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Mùa A N, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D, Lầu A P, Mùa A S1, Mùa A Ch, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Sòng A V chuẩn bị dao phát, mắm, muối, gạo và một số vật dụng khác rồi đi vào rừng thuộc lô 18, khoảnh 6, tiểu khu 1303, KBTTN N, khi tới nơi thì tiến hành phát dọn đất rừng cạnh suối để làm 10 lán trại. Đến sáng ngày hôm sau, tất cả bắt đầu phát dọn từ khu vực làm lán trại mở rộng phát dọc theo bờ suối, không phân chia vị trí, diện tích cụ thể cho từng người mà phát chung. Việc phát rừng được tiến hành ở 03 vị trí liền kề nhau, tất cả đều sử dụng dao rựa để chặt các cây bụi, lồ ô, cây thân gỗ nhỏ, không sử dụng công cụ, máy móc khác. Việc phát dọn rừng tiến hành từ khoảng 07 giờ đến 10 giờ và từ 14 giờ đến 16 giờ. Đến chiều ngày thứ hai thì không tập trung phát dọn rừng mà chia ra một số tiếp tục phát rừng, số còn lại sửa và làm thêm lán trại. Ngày 13/12/2014, Sòng A V, Mùa A Ch, Mùa A S1, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Mùa A N, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D, Lầu A P tiếp tục chặt, phát rừng đến chiều tối thì bị Hạt kiểm lâm KBTTN N phát hiện, ngăn chặn.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/12/2014 thể hiện: Diện tích rừng bị chặt phá là 2,7 ha (gồm 03 điểm liền kề nhau: Điểm 01 diện tích 1,1 ha, mức độ thiệt hại 100%, tọa độ 0428034 - 1360594; điểm 02 diện tích 1,2 ha, mức độ thiệt hại 100%, tọa độ 0428190 - 1360623; điểm 03 diện tích 0,4 ha, mức độ thiệt hại 30%, tọa độ 0428256 - 1360572) thuộc lô 18, khoảnh 6, tiểu khu 1303, địa giới hành chính xã N, huyện K do KBTTN N quản lý, trạng thái rừng tự nhiên thường xanh có trữ lượng trung bình.

Tại Bản kết luận giám định ngày 25/10/2016 của Hạt kiểm lâm huyện K, tỉnh Đắk Nông kết luận: Tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 27.000 m², quy đồng đặc là 24.200 m² (2,42 ha) thuộc rừng đặc dụng. Giá trị thiệt hại tính thành tiền là 154.318.560 đồng (bao gồm giá trị lâm sản và giá trị môi trường).

Tại thời điểm khám nghiệm hiện trường, các cơ quan tiến hành tổ tụng sử dụng bản đồ phân loại rừng trước năm 2014. Đến ngày 14/01/2015, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 67/QĐUB phê duyệt kiểm kê rừng tỉnh Đắk Nông thì có sự thay đổi về lô, khoảnh. Cụ thể:

Tại vị trí tọa độ 0428034 - 1360594 (điểm 01), diện tích 1,1 ha, mức độ thiệt hại 100%, thuộc lô 119, khoảnh 6, tiểu khu 1303; tại vị trí tọa độ 0428190 - 1360623 (điểm 2), diện tích 1,2 ha, mức độ thiệt hại 100%, thuộc lô 97, khoảnh 5, tiểu khu 1303; tại vị trí tọa độ 0428256 - 1360572 (điểm 3), diện tích 0,4 ha, mức độ thiệt hại 30%, thuộc lô 102, khoảnh 5, tiểu khu 1303, KBTTN N. Các vị trí tọa độ trên đo bằng thước dây xác định: Điểm 01 cách điểm 02 160m, điểm 02 cách điểm 03 80m, điểm 01 cách điểm 03 220m.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Mùa A N, Mùa A Gh, Mùa A S1, Mùa A Ch, Tráng A Ch, Tráng A D, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Lầu A P, Sông A V phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 243; điểm m, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Mùa A Gh 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 19/11/2015 đến ngày 19/01/2016.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 243; điểm m, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mùa A N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 25/4/2018, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 23/02/2016 đến ngày 09/3/2016.

- Xử phạt các bị cáo Mùa A Ch, Tráng A Ch mỗi bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 26/11/2015 đến ngày 31/01/2016.

- Xử phạt bị cáo Mùa A S1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 19/11/2015 đến ngày 31/01/2016.

- Xử phạt bị cáo Tráng A Ph1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 23/02/2016 đến ngày 09/3/2016.

- Xử phạt bị cáo Lầu A P 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/4/2018.

- Xử phạt bị cáo Sông A V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/12/2016 đến ngày 20/01/2017.

- Xử phạt các bị cáo Hồ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph2, Tráng A D mỗi bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 20/5/2019, các bị cáo Mùa A Ch, Mùa A S1, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Hồ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A P, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D, Sông A V kháng cáo cho rằng các bị cáo chỉ chặt phá diện tích rừng 2.700m² nhưng cấp sơ thẩm kết án các bị cáo chặt phá 27.000m²; số người tham gia chặt phá rừng là 72 người nhưng chỉ xét xử 15 người là bỏ lọt người phạm tội và không công bằng; cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù là quá nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 24/5/2019, bị cáo Lầu A P rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bị cáo thừa nhận hành vi phá rừng diện tích 2.700m², đồng thời cung cấp hóa đơn đã bồi thường một phần thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi nêu nội dung, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và điều luật áp dụng.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo phân tích tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử: hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ hai nội dung kháng cáo về diện tích và số người tham gia chặt phá rừng; ngoài ra còn đề nghị áp dụng hình phạt thấp nhất hoặc cho các bị cáo được hưởng án treo. Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo phải bồi thường vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hầu hết không biết chữ, nghèo khổ phải làm thuê kiếm sống qua ngày.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo chỉ thừa nhận vào khoảng tháng 12/2014, các bị cáo đã chặt phá diện tích rừng khoảng 6.000m²

đến 7.000m², khi thì khai đã chặt phá diện tích 2.700m², không phải 24.200m² như Bản án sơ thẩm nhận định. Tuy nhiên, các Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/12/2014 đã thể hiện tổng diện tích rừng bị chặt phá là 27.000 m² (gồm 03 điểm liền kề nhau: Điểm 01 diện tích 11.000m², mức độ thiệt hại 100%, tọa độ 0428034-1360594; điểm 02 diện tích 12.000m², mức độ thiệt hại 100%, tọa độ 0428190-1360623; điểm 03 diện tích 4.000m², mức độ thiệt hại 30%, tọa độ 0428256-1360572) thuộc các lô 97, 102 khoảnh 5 và lô 119 khoảnh 6, tiểu khu 1303, địa giới hành chính xã N, huyện K. Tại Bản kết luận giám định ngày 25/10/2016 của Giám định viên Lê Xuân S thuộc Hạt kiểm lâm huyện K, tỉnh Đắk Nông kết luận: Tổng diện tích rừng bị thiệt hại quy đồng đặc là 24.200m²; tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường là 154.318.560 đồng. Các bị cáo thừa nhận vị trí các bị cáo chặt phá rừng đúng như vị trí mà Cơ quan Điều tra đã khám nghiệm hiện trường. Đồng thời, quá trình điều tra xác định ngoài vụ án này thì tại khu vực các lô 97, 102 khoảnh 5 và lô 119 khoảnh 6, tiểu khu 1303, địa giới hành chính xã N, huyện K không có vụ án hủy hoại rừng nào khác. Việc các bị cáo cho rằng tổng diện tích rừng các bị cáo chặt phá chỉ khoảng 2.700m² là không đúng với kết quả sơ đồ khám nghiệm hiện trường. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[2]. Đối với kháng cáo của các bị cáo cho rằng có khoảng 50 hộ (gồm 72 người) tham gia hủy hoại rừng nhưng cấp sơ thẩm chỉ xét xử đối với 15 bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra chưa xác minh được hành vi chặt phá rừng của các đối tượng khác nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[3]. Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 12/2014 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự (*không ghi năm*) đối với các bị cáo là không đúng, vì Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) không quy định có lợi hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, do đó cần sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với các bị cáo.

[4]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Mùa A Gh: Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2012/HSST ngày 05/4/2012 của TAND huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo Mùa A Gh 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” đối với bị cáo là không đúng quy định.

[5]. Về mức hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm các Biên lai nộp tiền để bồi thường một phần thiệt hại. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng có ý thức bồi thường khắc phục hậu quả, do đó được coi là tình tiết mới để chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Phần diện tích rừng bị hủy hoại thuộc các lô 97, 102 khoảnh 5 và lô 119 khoảnh 6, tiểu khu 1303, địa giới hành chính xã N, huyện K đã được UBND tỉnh Đắk Nông giao quyền sử dụng cho KBTTN N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/01/2009, hình thức nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 3 Luật bảo vệ và phát triển rừng thì KBTTN N là chủ rừng có quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ rừng. Mặc dù KBTTN N không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nhưng tại Bản giải trình ngày 09/02/2017 của Giám định viên Lê Xuân S thể hiện: Giám định viên áp dụng mục 1 phần II và mục V, phần G, Phụ lục 01, Quyết định số: 1578/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông để tính tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường, không có căn cứ bóc tách, phân chia riêng biệt giá trị thiệt hại về lâm sản và giá trị thiệt hại về môi trường. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 154.318.560 đồng sung quỹ Nhà nước là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng nên cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 đối với các bị cáo. Đồng thời, khấu trừ số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp tại giai đoạn phúc thẩm để khắc phục hậu quả.

[7]. Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Sông A V đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm vì gia đình thuộc diện hộ nghèo năm 2019, xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận hộ nghèo, do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[8]. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo Lầu A P cung cấp Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày 09/01/2019 của UBND xã H, huyện B, tỉnh Sơn La (BL số 1165), tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, miễn án phí cho bị cáo Lầu A P.

[9]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Mùa A Ch, Mùa A S1, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D, Sông A V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt và điều luật áp dụng đối với các bị cáo Mùa A Ch, Mùa A S1, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D, Sông A V; sửa

phần điều luật áp dụng đối với các bị cáo Mùa A N, Lầu A P; sửa phần án phí sơ thẩm đối với bị cáo Lầu A P.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; các điểm b, k, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999:

1.1. Xử phạt bị cáo Mùa A N 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/4/2018, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 23/02/2016 đến ngày 09/3/2016.

1.2. Xử phạt bị cáo Mùa A Ch 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 26/11/2015 đến ngày 31/01/2016.

1.3. Xử phạt bị cáo Mùa A S1 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 19/11/2015 đến ngày 31/01/2016.

1.4. Xử phạt bị cáo Mùa A Gh 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 19/11/2015 đến ngày 31/01/2016.

1.5. Xử phạt bị cáo Tráng A Ch 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/11/2015 đến ngày 31/01/2016.

1.6. Xử phạt bị cáo Hờ A Ch 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.7. Xử phạt bị cáo Hạng A V 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.8. Xử phạt bị cáo Lầu A Ch 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.9. Xử phạt bị cáo Lầu A D 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.10. Xử phạt bị cáo Mùa A G 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.11. Xử phạt bị cáo Tráng A Ph1 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày ngày 23/02/2016 đến ngày 09/3/2016.

1.12. Xử phạt bị cáo Tráng A Ph2 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.13. Xử phạt bị cáo Tráng A D 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.14. Xử phạt bị cáo Lầu A P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/4/2018.

1.15. Xử phạt bị cáo Sồng A V 03 (ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2016 đến ngày 20/01/2017.

[2]. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 604, 605, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 154.318.560đ (*một trăm năm mươi bốn triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm sáu mươi đồng*) để sung quỹ nhà nước, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền làm tròn là 10.288.000đ (*mười triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường theo các Biên lai thu tiền số 003427, 003428, 003429, 003430, 003431, 003432, 003433, 003434, 003435, 003436, 003437 ngày 06/8/2019 và số 003459 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo Sồng A V còn phải bồi thường tiếp số tiền 8.288.000đ (*tám triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*); các bị cáo Mùa A Ch, Mùa A Gh, Tráng A Ch, Hờ A Ch, Hạng A V, Lầu A Ch, Lầu A D, Mùa A G, Tráng A Ph1, Tráng A Ph2, Tráng A D còn phải bồi thường tiếp số tiền mỗi bị cáo 9.288.000đ (*chín triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*); các bị cáo Mùa A N, Mùa A S1, Lầu A P còn phải bồi thường tiếp số tiền mỗi bị cáo 10.288.000đ (*mười triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lầu A P.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CQĐT CA huyện Krông Nô;
- CQ THAHS CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- P. HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu Tòa hình sự;
- Lưu Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Tài Sử